

صفة الوضوء والصلاة

إعداد:

أبو فوزان ومصطفى أمير

مراجعة: محمد حسين

CÁCH THỨC TẮY RỬA (WUDUA)
VÀ CÁCH THỨC HÀNH LỄ (SOLAH)

Do: Abu fawzaan và Mustafa Amir biên soạn.

Mohamad Hosen Kiêm tra lại.

صفة الوضوء والصلاة

باللغة الفيتنامية

إعداد: أبو فوزان

CÁCH THỨC TẮY RỬA (WUĐUA)
VÀ CÁCH THỨC HÀNH LỄ (SOLAH)

Do Abu fawzaan biên soạn

ح) المكتب التعاوني للدعوة والإرشاد وتوعية الجاليات بالروضة ، ١٤٣٢ هـ

فهرسة مكتبة الملك فهد الوطنية أثناء النشر

الفيتنامي ، أبو فوزان

صفة الوضوء والصلاة / أبو فوزان الفيتنامي -

الرياض: ١٤٣٢ هـ

٥٢ ص ؛ ١٢ × ١٧ سم

ردمك : ١-١-٩٠٢٣١-٦٠٣-٩٧٨

(النص باللغة الفيتنامية)

١- الوضوء ٢- الصلاة أ-العنوان

١٤٣٢/٢٥٧٧

ديوي ٢٥٢

رقم الايداع: ١٤٣٢/٢٥٧٧

ردمك: ١-١-٩٠٢٣١-٦٠٣-٩٧٨

بِسْمِ اللّٰهِ الرَّحْمٰنِ الرَّحِیْمِ

صَفَاةُ الْوُضُوءِ

CÁCH THỨC TẮY RỬA (WUĐƯA)

Trước khi muốn dâng lễ Solah bạn phải biết nghi thức tẩy rửa tức là lấy nước wuđưa để trở thành người hoàn toàn sạch sẽ vì bạn phải đứng trước mặt Thượng Đế (Allah) Đấng tối cao.Và điều kiện của wuđưa là **định tâm**, và sự định tâm chỉ cần trong tâm bạn biết là bạn lấy nước wuđưa là đủ chứ không cần phải nói ra lời , nếu bạn nói ra lời thì không phải là định tâm, câu định tâm là :

TÔI LẤY NƯỚC WUĐƯA VÌ THƯỢNG ĐẾ

❖ Sau đó đọc (بِسْمِ اللّٰهِ) BIS MIL LAH rồi phải tẩy rửa trước khi hành lễ Solah theo những bước sau:

1-Rửa hai bàn tay (ba lần).

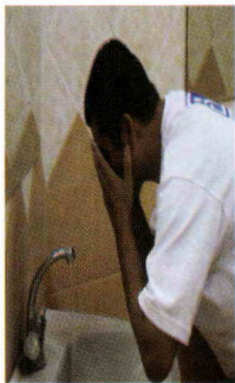


2-Xúc miệng và xúc mũi, cho nước hít vào bằng tay phải, và hỉ ra bằng tay trái (ba lần).



❖ Theo Sunnah thì nên xúc mũi mạnh, ngoại trừ lúc đang nhịn chay (Syam) thì nên xúc nhẹ vì sợ nước chảy vào cuống họng.

3-Rửa toàn mặt (từ chân tóc trên trán xuống đến cằm theo chiều dài khuôn mặt và từ lỗ tai phải đến lỗ tai trái tính theo chiều ngang) ba lần.



❖ Nếu có hàm râu mọc thưa trong khuôn mặt thì bắt buộc phải cho nước thấm ướt da, và nếu râu dài thì chỉ rửa phần ngoài.

❖ Theo Sunah thì nên chà rửa râu bằng các ngón tay phải với nước.

4-Rửa hai tay cùng với cùi chỏ (rửa từ đầu các ngón tay đến cùi chỏ, rửa mỗi bên (ba lần) lần lượt từ tay phải trước rồi tay trái).



❖ Chú ý kẽ hở của các ngón tay, nếu có đeo nhẫn thì nên xoay cho nước thấm vào bên trong.

5-Dùng hai bàn tay thấm nước rồi vuốt đều lên toàn đầu, Từ trán kéo ngược ra sau đến cần cổ, rồi vuốt ngược trở lại phía trước, sau đó kéo hai tay xuống lau hai lỗ tai, đặt ngón trỏ bên trong tai, ngón cái lau vành ngoài tai từ dưới lên.



Hình (1)

Hình (2)

6-Rửa hai bàn chân từ đầu ngón chân đến hai mắt cá, rửa mỗi bên (ba lần), bên phải trước, bên trái sau.



❖ Theo Sunnah là phải chà rửa các kẽ hở của các ngón chân và chú ý rửa hết phần sau gót chân và dưới hai mắt cá.

Lưu ý: Nếu tay hoặc chân bị mất đi một phần của phần bắt buộc rửa, thì rửa phần còn lại của tay hoặc chân đó. Và nếu bị mất hết phần bắt buộc phải rửa thì ta rửa phần đầu của tay hoặc chân đó.

❖ Bắt buộc phải thực hiện wuđua đúng theo thứ tự đã nêu ở trên, và phải thực hiện một cách liên tục, không được gián đoạn.

HÌNH ẢNH LẤY NƯỚC WUĐỤA



1



2



3



4



5



6



7



ĐU'A (CẦU XIN) SAU KHI HOÀN TẤT LẤY NƯỚC WUĐỤA



❖ Thiên sứ Muhammad ﷺ nói: *“Nhưng ai đọc câu đư'a sau đây sau khi lấy nước Wuđụa, thì Allah sẽ mở cho y tám cánh cửa (thiên đàng), y đi vào bất cứ cửa nào y muốn”* (Sohid Muslim)

❖ Sau khi tẩy rửa WUĐỤA hướng mặt về QIBLAT và đọc ĐU'A như sau :

((أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ ، وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ))

ASH HA ĐU AL LA I LA HA IL LOL LOH WAH ĐA
HU LA SHA RI KA LAH - WA ASH HA ĐU AN NA
MUHAM MA ĐAN AB ĐU HU WA RA SU LUH.

Ý nghĩa: Tôi xác nhận rằng không có Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, và tôi chứng nhận rằng Muhammad là bề tôi và cũng là vị Thiên Sứ của Ngài .

❖ **Đọc tiếp câu:**

((اللَّهُمَّ اجْعَلْنِي مِنَ التَّوَّابِينَ وَاجْعَلْنِي مِنَ الْمُتَطَهِّرِينَ))

ALLO HUM MAJ AL NI MI NAT TAU WA BIN - WAJ
AL NI MI NAL MU TA TGOH HI RIN.

Ý nghĩa: *Xin Allah hãy làm cho bề tôi thuộc nhóm người biết sám hối, và hãy làm cho bề tôi thuộc nhóm người sạch sẽ.*

❖ Sau khi lấy nước Wud'ua xong nên dâng lễ nguyện Solah hai rak'at, gọi là **Sunnah Wud'ua**.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN LẤY NƯỚC WUD'UA

Lấy Wud'ua sau khi tiểu trung hoặc đại tiện hoặc phải tắm khi bị Junub. Điều kiện lấy Wud'ua gồm mười điều:

1- Islam.

2- Trí tuệ.

3- Biết nhận thức.

4- Định tâm (không được phép cắt đứt sự định tâm cho đến khi hoàn thành nước Wud'ua).

5- Cắt đứt mọi nguyên nhân như tiểu, trung, đại tiện.

6- Rửa hoặc chùi trước khi lấy Wud'ua.

7- Tẩy rửa bằng nước.

8- Nước tẩy rửa được phép sử dụng.

9- Làm sạch những gì ngăn cản nước đến da.

10- Đã đến giờ Solah đối với ai thường xuyên làm hư nước Wud'ua.

NHỮNG ĐIỀU LÀM HƯ NƯỚC WUĐẠ

Một người Muslim khi bị rơi vào một trong những tình trạng sau đây làm cho hư nước wuđạ và cần phải lấy lại nếu muốn hành lễ Solah, hay cầm quyển thiên kinh Qur'an, hoặc là đi Tawwaf (đi vòng quanh Ngôi Đền Ka'bah).

1- Bất cứ gì xuất ra từ đường hậu môn và đường sinh dục như: tiểu , trung hay đại tiện , xuất tinh , ra máu ...

2- Sờ trực tiếp vào bộ phận sinh dục cho dù là trẻ em.

3- Ngủ quên không còn biết cảm giác chuyện gì xảy ra xung quanh cho dù ngủ đứng hay ngồi hay nằm cũng vậy, còn nếu nhận được cảm giác thì không hư nước wuđạ.

4- Ăn tất cả những gì thuộc về con lạc đà như : thịt , gan , ruột ...

5-Và chạm phụ nữ không làm cho hư nước wud'ua trừ khi bị xuất tinh qua sự đụng chạm đó.

6-Kinh nguyệt và bị rong kinh đối với phụ nữ.

والله اعلم و صلى الله و سلم على نبينا محمد و على آله و صحبه اجمعين .





PHƯƠNG THỨC HÀNH LỄ (SOLAH)



Sau khi lấy nước Wud'ua xong ta nên ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ để hành lễ nguyện, hành lễ nguyện tiếng Ả Rập được gọi là SOLAH, gồm có một số động tác nhất định mà bắt buộc mọi người Muslim phải thực hiện trong lúc hành lễ solah, Cùng lúc thực hiện các động tác này, phải đọc một số câu kinh thống nhất bằng tiếng Ả Rập và mặt phải hướng về Ngôi Đền Ka'bah (tại Makkah, Arabia-Saudi).

❖ Còn ở Việt Nam Ka'bah nằm trùng với hướng tây tức là hướng mặt trời lặn.

Islam bảo phải hành lễ solah năm lần một ngày theo các nghi thức dưới đây:

1- Đứng thẳng người nghiêm trang hướng mặt về QIBLAT (Ngôi Đền Ka'bah) sau đó **định tâm** Solah, câu định tâm là :



TÔI SÔLY VÌ THƯỢNG ĐẾ

và vừa nói: "الله أكبر" "AL LO' HU AK BAR"

Ý nghĩa: "*Allah vĩ đại nhất*" đồng thời giơ hai bàn tay lên cho các ngón tay ngang với vành tai, lòng bàn tay mở hướng về Qiblat.

❖ **Xin chú ý:** Ở khoảng trống trên của câu định tâm mình phải thêm vào chỗ đó giờ giắc (waktu) và số (rak'at) của nó.

Ví dụ: Mình muốn **soly** vào giờ Al-zhuhr (trưa) , thì mình định tâm là:

TÔI SOLY AL-ZHUHR (4) RAKAT VÌ THƯỢNG ĐẾ

❖ Sau đó, đặt hai tay áp lên lòng ngực, tay phải bên trên tay trái. Mắt nhìn xuống nơi Sujud (cúi lạy).



❖ Sau đó theo Sunnah thì đọc câu Đu'a Istiftah như sau:

((سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِكَ ، وَتَبَارَكَ اسْمُكَ ، وَتَعَالَى جَدُّكَ وَلَا إِلَهَ غَيْرُكَ))

Tam phiên âm: SUB HA NA KAL LO HUM MA WA BI HAM ĐI KA - WA TA BA RO KAS MU KA - WA TA A LA JAD ĐU KA - WA LA ILA HA GOI RU KA.

Ý nghĩa: (Ôi Allah mọi sự vinh quang , ca ngợi đều dâng lên Ngài, Vinh hiển thay ở danh cao cả của Ngài, không có thần linh nào khác ngoài Ngài (để tôn thờ).

❖ Kế tiếp, theo Sunnah nên đọc câu sau đây:

((أعوذ بالله من الشيطان الرجيم))

A U ZU BIL LA HI MI NAS SHAY TON NIR RA JIM.

Ý nghĩa: (Cầu xin Allah che chở và xa lánh tôi khỏi shay ton).

❖ Sau đó đọc thiên kinh Quran chương Fatihah:

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

((الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ * الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ * مَلِكِ يَوْمِ الدِّينِ * إِيَّاكَ نَعْبُدُ وَإِيَّاكَ
نَسْتَعِينُ * اهْدِنَا الصِّرَاطَ الْمُسْتَقِيمَ * صِرَاطَ الَّذِينَ أَنْعَمْتَ عَلَيْهِمْ غَيْرِ الْمَغْضُوبِ عَلَيْهِمْ
وَلَا الضَّالِّينَ *))

آمين !!!

Tạm phiên âm:

BIS MIL LA HIR ROH MA NIR RO HIM

AL HAM ĐU LIL LA HI RAB BIL Á LA MIN - AR
ROH MA NIR RO HIM - MA LI KI YAU MID DIN - I
YA KA NAK BU ĐU WA I YA KA NAS TA ÍN - IH ĐI
NOS SI RO TOL MUS TA QIM - SI RO TOL LA ZHI
NA AN AM TA Á LAY HIM - GHOY RIL MAGH ĐU
BI Á LAY HIM WA LOĐ ĐHOL LIN.

A' MI'N !!!

Nội dung và ý nghĩa bài kinh Fatiha:

Nhân danh Allah,

Đấng Rất Mực Độ lượng , Đấng Rất Mực Khoan Dung.

(Mọi lời ca ngợi và tán dương kính dâng Allah, Đấng Chủ Tể của toàn vũ trụ, Đấng Rất Mực Độ lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung, Vua của ngày phán xét. Chỉ duy Ngài mà bề tôi nguyện thờ phượng và chỉ duy Ngài mà bề tôi khẩn xin cứu giúp. Xin Ngài hãy hướng dẫn bề tôi đi trên con đường ngay chính, con đường của những người được Ngài ban ân phúc, không phải con đường của đám người đã làm Ngài phẫn nộ cũng như con đường của những kẻ lầm lạc).

Cầu xin Ngài chấp nhận lời nguyện cầu!!!

❖ Đọc xong bài Fatihah, sunnah đọc thêm các câu kinh ngắn dễ thuộc từ thiên kinh Qur'an như chương Ikla's:

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

((قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ * اللَّهُ الصَّمَدُ * لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ * وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ))

Tạm phiên âm:

BIS MIL LA HIR ROH MA NIR RO HIM

QUL HU WOL LO HU A HAĐ - OLLO HUS SO MAĐ -
LAM YA LIĐ WA LAM YU LAĐ - WA LAM YA KUL
LA HU KU FU WAN A HAĐ.

Nội dung và ý nghĩa:

Nhân danh Allah,

Đấng Rất Mực Độ lượng , Đấng Rất Mực Khoan Dung.

(Hãy bảo: Allah là Đấng duy nhất, Allah là Đấng Tự Hữu, Độc Lập mà mọi tạo vật phải lệ thuộc, Ngài không sanh ra ai cũng không do ai sanh ra, và không một ai có thể so sánh với Ngài).

2- Sau khi đọc xong các bài kinh , nói "الله أكبر" "AL LO' HU AK BAR" đồng thời cúi gập người xuống thành góc vuông rồi nói "سبحان مربي العظيم" "SUB HA' NA RAB BI YAL A ZHI'M"

Ý nghĩa: "Vinh quang thay cho Đấng Chủ Tể Vĩ Đại của bề tôi". (đọc 3 lần).

❖ **Tư thế Ruku'a đúng:** Đặt hai bàn tay lên hai đầu gối, các ngón tay mở hờ ra, cúi khom lưng và đầu thẳng song song với mặt đất. xem hình dưới đây.



3- Khi xong lời tụng niệm, trở người dậy tư thế đứng thẳng đồng thời nói: "سمع الله لمن حمده" "SA MI AL LO HU LI MAN HA MI ĐAH".

Ý nghĩa: "Allah nghe thấy tất cả ai ai tán dương ca tụng Ngài",



và khi đã đứng thẳng nghiêm trang trở lại thì nói: "ربنا ولك الحمد" "RAB BA NA WA LA KAL HAM ĐU".

Ý nghĩa: “Lạy Đấng Chủ Tể của bầy tôi, kính dâng Ngài mọi lời ca tụng và tán dương”.

4- Tiếp đến, nói: "الله أكبر" "AL LO HU AK BAR" rồi quỳ cúi đầu mọp xuống đất và nói "سبحان ربي الأعلى" "SUB HA NA RAB BI YAL AK LA"

Ý nghĩa: “Vinh quang thay cho Đấng Chủ Tể Tối cao của bề tôi” (đọc 3 lần).



❖ **Cách thức Sujud:** Từ từ hạ mình xuống, đặt hai đầu gối xuống trước rồi tới hai bàn tay, sau đó cúi đầu thấp đặt trán xuống. Trong lúc Sujud bắt buộc bảy bộ phận của cơ thể phải chạm xuống nền, bao gồm: các đầu ngón chân hai bên, hai đầu

gôi, hai lòng bàn tay, trán và cùng với mũi. Hai cánh tay đưa lên và mở rộng ra khỏi hai bên hông, hở bụng khỏi hai bên đùi và hai đùi hở khỏi hai bắp chân, hai đầu gối phải cách xa nhau. Còn hai bàn chân thì áp sát lại vào với nhau, các đầu ngón chân đều phải hướng về Qiblat.

❖ Nếu người dưng lễ nguyện Salah không có khả năng Sujud vì bệnh hoặc bị thương thì có thể thực hiện Sujud theo khả năng tốt nhất có thể. Nếu Sujud lâu hoặc trong hàng quá sát vào nhau, thì chúng ta được phép dựa cùi chỏ vào đùi.

❖ Lúc Sujud không nên đặt hai cánh tay nằm trên nền, mà phải đưa hai cùi chỏ lên.

5- Tiếp đến, nói: "الله أكبر" "AL LO' HU AK BAR" rồi ngòi dậy và nói: "رب اغفر لي" "RAB BIGH FIR LI"

Ý nghĩa: "Lạy Đấng Chủ Tể, xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bề tôi" (đọc 2 lần).

❖ **Tư thế ngồi giữa hai lần Sujūd:** Ta đặt bàn chân trái nằm nghiêng, bàn chân phải dựng đứng và ngồi trên bàn chân trái. Tư thế ngồi này được gọi là **Aliftira'sh**. *xem hình (1)*



Hình (1)

Hình (2)

❖ Trong lúc ngồi này, hai bàn tay phải đặt trên hai đùi, các đầu ngón tay phải nằm ngay trên hai đầu gối, hoặc là đặt hai bàn tay trên hai đầu gối. *xem hình (2)*

6- Tiếp tục lại nói: "الله أكبر" "AL LO HU AK BAR" rồi cúi đầu mọp xuống đất lần hai, chúng ta phải

làm đúng và giống như Sujud lần đầu và nói: "سبحان ربِّي الأعلى" "SUB HA NA RAB BI YAL ÁK LA" (đọc 3 lần).



❖ Đến đây chúng ta xem như đã thực hiện được một Rak'at (một lần cúi lạy).

7- Tiếp theo, nói: "الله أكبر" "AL LO HU AK BAR" và đứng dậy để tiếp tục Rak-at thứ hai. Trong Rak-at thứ hai cũng thực hiện tương tự Rak-at thứ nhất nhưng không đọc Đu'a Al-Ifitah và không đọc câu *A u zu billa hi minash shay ton nirrajim* trước khi đọc bài Al-Fatiha.

8- Tới khi đã xong phần cúi đầu mọp xuống đất lần thứ hai của Rak-at thứ hai thì nói: "الله أكبر" "AL LO HU AK BAR" rồi ngồi dậy, sau đó đọc Attashahhūd (Attahiyah), với tư thế ngồi Iftira'h giống như lúc ngồi giữa hai lần Sujūd. Hai bàn tay đặt trên hai đùi, ngón trỏ của bàn tay phải chỉ thẳng, còn ngón cái và ngón giữa tạo thành vòng tròn, hoặc là ngón cái nắm lấy ngón giữa. Còn hai ngón kia thì xếp lại, và ngón trỏ ta lắc nhẹ khi đọc bài Attashahhūd khi đến chỗ nào có Đu'a. Con bàn tay trái thì phải mở ra và đặt trên đầu gối trái.



❖ Bài Attashahhud như sau:

((التَّحِيَّاتُ لِلَّهِ، وَالصَّلَوَاتُ وَالطَّيِّبَاتُ، السَّلَامُ عَلَيْكَ أَيُّهَا النَّبِيُّ وَرَحْمَةُ اللَّهِ وَبَرَكَاتُهُ،
السَّلَامُ عَلَيْنَا وَعَلَىٰ عِبَادِ اللَّهِ الصَّالِحِينَ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ
وَرَسُولُهُ))

Tam phiên âm: AT TA HI YA TU LIL LA - WAS SO
LA WA TU WAT TOY YI BAT- AS SA LA MU Á LAY
KA AY YU HAN NA BI YU WA ROH MA TUL LO HI
WA BA RO KA TUH - AS SA LA MU Á LAY NA WA
Á LA Í BA ĐIL LA HIS SA LI HIN - ASH HA ĐU AL
LA I LA HA IL LOL LOH WA ASH HA ĐU AN NA
MU HAM MA ĐAN AB ĐU HU WA RO SU LUH.

Nội dung và ý nghĩa: {Mọi sự tôn kính tốt lành
đều dâng lên Allah, Cầu xin Ngài ban sự bình an,
sự khoan dung và phúc lành cho Nabi ﷺ, cho bề
tôi và cho tất cả những người đạo hạnh trong số
bầy tôi của Ngài. Tôi xác nhận không có Thượng
Đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có
Allah và xin chứng nhận Muhammad là bề tôi và
cũng là vị Thiên Sứ của Ngài.}

9- Nếu đối với hành lễ solah gồm hai Rak-at, thì sau khi đọc dứt bài Attashhud phần đầu, tiếp tục đọc nối tiếp phần cuối của bài Attashhud được gọi là **Attashahhud cuối**.

❖ Còn nếu đối với cuộc hành lễ solah gồm nhiều hơn hai Rak-at thì sau khi đọc xong phần Attashhud phần đầu thì nói: " **الله أكبر** " **“AL LO HU AK BAR”** và đứng dậy để tiếp tục thực hiện các Rak-at còn lại, cho tới Rak-at cuối cùng mới ngồi lại đọc Attashhud phần đầu cộng thêm phần cuối.

❖ Đây là phần cuối của bài Attashhud , hoặc được gọi là **Salawat** cho Nabi (saw).

((اللَّهُمَّ صَلِّ عَلَى مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِ مُحَمَّدٍ ، كَمَا صَلَّيْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ وَعَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ . اللَّهُمَّ بَارِكْ عَلَى مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِ مُحَمَّدٍ ، كَمَا بَارَكْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ وَعَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ)) .

Tam phiên âm: AL LO HUM MA SOL LI Á LA MU HAM MAĐ WA Á LA A LI MU HAM MAĐ - KA MA SOL LAY TA Á LA IB RO HI'M WA Á LA A LI IB RO HIM - IN NA KA HA MI ĐUM MA JIĐ . AL LO HUM

MA BA RIK Á LA MU HAM MAĐ WA Á LA A LI MU
HAM MAĐ - KA MA BA RAK TA Á LA IB RO HIM
WA Á LA A LI IB RO HIM - IN NA KA HA MI ĐUM
JID.

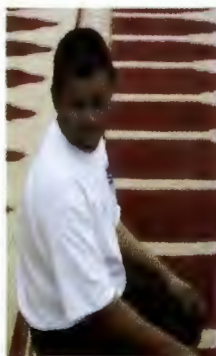
Ý nghĩa: (Thưa Allah! Cầu xin Ngài hãy ban sự
bình an và phúc lành cho Nabi Muhammad ﷺ và
gia quyến của Người giống như Ngài đã ban cho
Nabi Ibrohim ؑ và gia quyến của Người. Quả
thực, Ngài là Đáng Tội Cao và Rộng Lượng. Cầu
xin với Allah ban hồng ân cho Nabi Muhamad ﷺ
cùng với gia quyến của Người cũng như Ngài đã
ban hồng ân cho Nabi Ibrohim ؑ cùng với gia
quyến của Người, Quả thực, Ngài là Đáng Tội
Cao và Rộng Lượng).

10 - Sau khi đọc xong bài Attashhud , và trước khi
mình chào SALAM để kết thúc hành lễ solah, theo
Sunnah nên đọc thêm **đu'a** như sau:

((اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ ، وَمِنْ عَذَابِ جَهَنَّمَ ، وَمِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ
، وَمِنْ شَرِّ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ)) .

Tam phiên âm: AL LO HUM MA IN NI A U ZU BI
KA MIN A ZA BIL QOB RY - WA MIN A ZA BI JA
HAN NAM - WA MIN FIT NA TIL MAH YA WAL MA
MAT - WA MIN SHAR RI FIT NA TIL MA SI HIĐ ĐAJ
JAL.

Ý nghĩa: (Thưa Allah! Quả thực, bề tôi cầu xin
Ngài che chở tránh khỏi sự trừng phạt trong ngôi
mộ và trong địa ngục, tránh khỏi mọi thử thách
cám dỗ trong cuộc sống trần gian, trước khi chết
và tránh mọi điều xấu khi Đadjal xuất hiện).



❖ Cách chào salam như sau: quay mặt sang bên
phải và nói: "السلام عليك ورحمة الله" "AS SA LA MU Á
LAY KUM WA ROH MA TUL LOH"

Ýnghĩa: "Cầu xin Allah yêu thương và ban an lành",

❖ Sau đó tiếp tục quay mặt sang bên trái nói tương tự.

Đến đây là chấm dứt sự Solah.

والله اعلم وصلى الله وسلم على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين.



HÌNH ẢNH HÀNH LỄ SOLAH



1

2



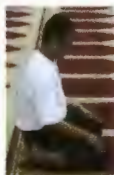
3



4



5



6



7



8



9

NĂM GIỜ HÀNH LỄ SOLAH VÀ CÁC SỐ RAK-AT QUI ĐỊNH CHO MỖI CUỘC HÀNH LỄ SOLAH

CUỘC HÀNH LỄ SOLAH	SỐ RAK-AT	GIỜ GIÁC
AL-fajr Hừng đông	2	Từ lúc rạng đông cho tới lúc mặt trời mọc.
AL-zuhr Trưa	4	Từ lúc mặt trời nghiêng bóng cho tới lúc bóng của mỗi vật đều bằng chính nó.
AL-asar Xế chiều	4	Từ lúc bóng của mỗi vật đã bằng chính nó cho tới khi ánh nắng mặt trời đã ngã vàng.
AL-maghrib Mặt trời đã lặn	3	Từ lúc mặt trời lặn cho tới ánh hoàn hôn hoàn toàn biến mất.
AL-ishá Tối	4	Từ lúc ánh hoàn hôn biến mất cho tới nửa đêm.

NHỮNG SHURUT ĐIỀU KIỆN TRONG HÀNH LỄ SOLAH

- 1- Islam.
- 2- Trí tuệ.
- 3- Biết nhận thức.
- 4- Sạch sẽ từ những chất dơ.
- 5- Vào thời gian ấn định, đúng giờ.
- 6- Che kín toàn thân Auroh.
- 7- Sạch sẽ bản thân, trang phục và chỗ hành lễ solah.
- 8- Hướng về Qiblah tức là hướng về Kabah.
- 9- Định tâm (Niệt - Niyah).

RUKUN - NỀN TẢNG CƠ BẢN CỦA HÀNH LỄ SOLAH

- 1- Đứng thẳng bắt buộc.
- 2- Đọc Takbir rutul ehrom - Allohu akbar -.
- 3- Đọc chương Al-fatihah.
- 4- Rukúa tức là cúi người xuống thành góc vuông rồi cho hai tay chóng đầu gối.
- 5- Đứng thẳng trở lại sau khi Rukúa.
- 6- Sujud tức là cúi rạp người xuống đất.
- 7- Ngồi giữa hai lần Sujud.
- 8- Phải điềm tĩnh.
- 9- Ngồi để Attasahhud.
- 10- Đọc Attasahhud cuối cùng.

- 11- Solawat cho Nabi (saw) trong Attasahhud cuối cùng.
- 12- Chào Salam bên phải và bên trái.
- 13- Thực hiện các nền tảng một cách bình thản.
- 14- Làm theo thứ tự.

NHỮNG ĐIỀU WAJIB BẮT BUỘC TRONG HÀNH LỄ SOLAH

- 1- Đọc tất cả Takbir - ALLOH HU AKBAR-.
- 2- Đọc - SA MI ALLOH HU LY MAN HA MY ĐAH.
- 3- Đọc - RAB BA NA WA LA KAL HAM ĐU.
- 4- Đọc - SUB BA HA NA RAB BY YAL A ZIM.
- 5- Đọc - SUB BA HA NA RAB BY YAL Á LA.
- 6- Đọc - RAB BIR FIR LY.

7- Đọc - Attasahhđ Au wal - tức là phần đầu.

8- Ngồi để đọc Attasahhđ Au wal.

NHỮNG ĐIỀU SUNNAH TRONG HÀNH LỄ SOLAH

1- Đọc Đu á Al-istiftah.

2- Đọc - A U ZU BIL LA HI MY NAS SHAY TON NIR RO JIM và đọc BIS MIL LA HIR ROH MAN NIR RO HIM.

3- Đọc - AMIN-.

4- Đọc - SUROH - chương hoặc một phần của chương sau khi đọc Al-fatihah xong.

5- Đọc lớn tiếng trong hai - RA KAT- đầu đối với Solah SU BUH, MAGRIB và ISA.

6- Đọc - RAB BA NA VÀ LA KAL HAM ĐU- HAM ĐAN KA SI RON TOY YI BAN MU BA RO KAN FI HI.

7- Đọc thêm sau khi đọc TAS BÊH.

8- Cầu xin- Đu á - sau khi đọc Attashuđ và trước khi chào Salam.

NHỮNG ĐIỀU MAKRUH KHÔNG NÊN LÀM TRONG HÀNH LỄ SOLAH

1- Nhìn lên bầu trời.

2- Quy đi quy lại không cần thiết.

3- Nhìn qua nhìn lại trong lúc hành lễ Solah.

4- Chóng nãnh.

5- Nằm giống tư thế của con thú dữ trong lúc -
SUJUD-.

NHỮNG ĐIỀU LÀM HƯ HÀNH LỄ SOLAH

- 1- Thiếu nước Wud'ua.
 - 2- Hở phần che kín bắt buộc.
 - 3- Sai hướng Qiblah.
 - 4- Cố ý làm dư Rukun hoặc thiếu nó.
 - 5- Làm không theo Thứ tự trước sau.
 - 6- Hủy bỏ Niết - Định tâm - hoặc là định tâm ngoài hành lễ Solah.
 - 7- Nói chuyện ngoài trong hành lễ Solah.
 - 8- Cười đùa dù chỉ một tiếng cười nhỏ.
 - 9- Khi Solah tập thể mà người Solah theo **Imam** mà lại cố ý thực hiện các cử chỉ hoặc động tác trước Imam.
- ❖ Những người Muslim nam nên quan tâm đến việc dâng lễ nguyện Solah tập thể tại Masjid vào

mỗi Waktu (giờ) Solah. Không được bỏ bê, xem nhẹ việc dâng lễ nguyện Solah tập thể. Nếu không sẽ là người thất bại trong cuộc sống trần tục cũng như cuộc sống của Ngày Sau. Những ai chu đáo và năng dâng lễ nguyện Solah tập thể chắc chắn sẽ là người may mắn và thành công trong cuộc sống trần tục cũng như trong cuộc sống của Ngày Sau nữa, Insha Allah!



NHỮNG LỜI TỤNG NIỆM SAU LỄ NGUYỆN SOLAH BẮT BUỘC

Sau khi hoàn tất hành lễ (solah) chúng ta ngồi nén lại vài phút để đọc «TAS BÊH» như sau:

1- Đọc ba lần câu:

((أَسْتَغْفِرُ اللَّهَ))

Tam phiên âm: AS TAGH FI RUL LAH.

Ý nghĩa: {Cầu xin Allah tha thứ tội cho bề tôi}. Muslim

2- Đọc một lần câu:

((اللَّهُمَّ أَنْتَ السَّلَامُ ، وَمِنْكَ السَّلَامُ ، تَبَارَكْتَ يَا ذَا الْجَلَالِ وَالْإِكْرَامِ))

Tam phiên âm: AL LO HUM MA AN TAS SALAM - WA MIN KAS SALAM - TA BA RAK TA YA ZAL JA LA LI WAL IK ROM .

Ý nghĩa: {Thưa Allah !Ngài là đấng Bình An và sự bình an được đến từ Ngài.Thưa Đấng có

Quyền Tối cao và Rộng lượng , sự may mắn và hạnh phúc là do Ngài ban đến}. Muslim

3- Đọc một lần câu:

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ . اللَّهُمَّ لَا مَانِعَ لِمَا نَعِ لِمَا أُعْطِيَ ، وَلَا مُعْطِيَ لِمَا مَنَعْتَ ، وَلَا يَنْفَعُ ذَا الْجَدِّ مِنْكَ الْجَدُّ)) .

Tam phiên âm: LA I LA HA IL LO LOH - WAH ĐA HU LA SHA RI KA LAH - LA HUL MUL KU WA LA HUL HAM ĐU - WA HU WA A LA KUL LI SHAY IN QODIR . AL LO HUM MA LÀ NI A LI MA AK TOY TA - WA LA MUA TI YA LI MA MA NIA TA - WA LA YAN FA U ZAL CHAĐ ĐI MIN KAL CHAĐ ĐU .

Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào xứng đáng được con người thờ phụng mà chỉ có **Allah** duy nhất và không có cộng tác ai với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Thưa Allah! sẽ không có uy quyền nào ngăn cản với những gì mà Ngài đã ban phát và cũng không có quyền thế nào ban phát trong khi Ngài đã ngăn cấm và cũng

không có sự giàu có nào giúp đỡ được bản thân y
đối với Ngài [ngoại trừ những việc làm tốt đẹp} Al
Bukhari và Muslim.

4- Đọc một lần câu:

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ
قَدِيرٌ . لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ . لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ ، وَلَا نَعْبُدُ إِلَّا إِيَّاهُ ، لَهُ النَّعْمَةُ وَلَهُ
الْفَضْلُ وَلَهُ الشَّاءُ الْحُسْنُ ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ وَلَوْ كَرِهَ الْكَافِرُونَ))

Tam phiên âm: LA I LA HA IL LOL LOH - WAH
ĐA HU LA SHA RI KA LAH - LA HUL MUL KU WA
LA HUL HAM DU - WA HU WA A LA KUL LI SHAY
IN QODIR . LA HÂU LA WA LA KU WA TA IL LA
BIL LA . LA I LA HA LIL LOL LOH WA LA NAK BU
ĐU IL LA I YA HU - LA HUL NIA MA TU - WA LA
HUL FAD LU - WA LA HUSH SHA NA UL HAS
SANU - LA I LA HA IL LOL LOHU MUKH LI SI NA
LA HUĐ ĐIY NA - WA LÂU KA RI HAL KA FI RUN.

5- Đọc mỗi câu dưới đây ba mươi ba (33) lần:

((سُبْحَانَ اللَّهِ))

Tam phiên âm: SUB HA NAL LAH.

Ý nghĩa: Vinh quang thay Allah!

((الْحَمْدُ لِلَّهِ))

Tam phiên âm: AL HAM ĐU LIL LAH.

Ý nghĩa Mọi lời tán dương tốt đẹp nhất đều kính dâng Allah.

((اللَّهُ أَكْبَرُ))

Tam phiên âm: AL LO HU AKH BAR.

Ý nghĩa: Allah thật vĩ đại!

6- Và đọc thêm câu này một lần cho đủ một trăm lần:

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ))

Tam phiên âm: LA I LA HA IL LOLLOH - WAH ĐA HU LA SHA RI KA LAH - LA HUL MUL KU WA LA

HUL HAM DU WA HU WA A LA KUL LI SHAY IN QODIR.

Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào xứng đáng được con người thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất và không có cộng tác ai với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc }.

❖ Thiên sứ Muhammad ﷺ có chi bảo như sau:
“Ai tụng niệm như thế sau mỗi lần Solah thì y sẽ được xóa đi những lỗi lầm của y cho dù có nhiều như bọt biển đi nữa”. Muslim

7- Đọc mỗi Surah sau đây một lần sau mỗi lần Solah Zuhur, Solah Asr và Solah Isa, nhưng đọc ba lần sau mỗi lần Solah Fajr và Solah Magrib:

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

((قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ * اللَّهُ الصَّمَدُ * لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ * وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ))

Tam phiên âm: KUL HU WAL LO HU A HAD -
ALLO HUS SO MAD - LAM YA LIĐ WA LAM YU
LAD - WA LAM YA KUL LA HU KU FU WAN AHAD.

Ý nghĩa: {(Hỡi Muhammad) hãy nói (với những người Do Thái, người Thiên Chúa Giáo và những kẻ thờ đa thần): Ngài là Allah, Đáng duy nhất, Allah là Đáng tự hữu, Đáng độc lập mà tất cả (vạn vật) phải nhờ vả, Ngài không sinh (đẻ) ra ai và cũng không do ai sinh ra, và không một ai (hay vật gì) có thể so sánh với Ngài đặng}. Surah al Ikhlas

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

((قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ * مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ * وَمِنْ شَرِّ غَا سِقٍ إِذَا وَقَبَ * وَمِنْ شَرِّ
النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ * وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ)) .

Tam phiên âm: KUL A U ZU BI ROB BIL FA LAQ -
MIN SHAR MA KHO LAQ - WA MIN SHAR RI GHOSI
QIN I ZA WA QOB - WA MIN SHAR RIN NAF FA
SA TI FIL U QOD - WA MIN SHAR RI HA SI ĐIN I ZA
HA SAD.

Ý nghĩa: {Hãy nói (hỡi Muhammad): Tôi cầu xin Thượng Đế (Đấng Chúa Tể) của buổi rạng đông che chở, tránh khỏi sự tác hại của những vật mà Ngài đã tạo, và khỏi sự tác hại của màn đêm khi nó bao phủ, và khỏi sự tác hại của những kẻ thối (phù phép) vào những chiếc gút thắt, và khỏi sự hãm hại của những kẻ đố kỵ khi họ ganh tị}.
Surah Al Falaq

بِسْمِ اللّٰهِ الرَّحْمٰنِ الرَّحِیْمِ

((قُلْ اَعُوْذُ بِرَبِّ النَّاسِ * مَلِكِ النَّاسِ * اِلٰهِ النَّاسِ * مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ * الَّذِي يُّوسِّسُ فِيْ صُدُوْرِ النَّاسِ * مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ))

Tam phiên âm: KUL A U ZU BI RAB BIN NAS -
MA LI KIN NIS - I LA HIN NAS - MIN SHAR RIL WAS
SA WA SIL KHON NAS - ALLA ZI YU WAS WI SU FI
SU DU RIN NAS - MI NAL JIN NA TI WAN NAS.

Ý nghĩa: {Hãy nói (hỡi Muhammad): Ta cầu xin Thượng Đế (Đấng Chúa Tể) của nhân loại, Đức Vua của nhân loại, Thượng Đế của nhân loại, (che chở) tránh khỏi sự hãm hại của kẻ thù thì thào (lời xúi giục) rồi lẫn mất, kẻ thì thào (những

điều tác hại) vào lòng người, thuộc loài Jin (ma) và loài người}. Surah An Nas

8- Và đọc một lần Ayat Kursi (Ayat 255) của Surah Al-Baqarah (2):

((اللهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ ، لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ ، لَهُ مَا فِي السَّمَاوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ ، مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ ، يَعْلَمُ مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ ، وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ ، وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضَ ، وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا ، وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ))

Tam phiên âm: AL LO HU LA I LA HA IL LA HU
WAL HAY YUL KOY YUM - LA TAK KHU ZU HU SI
NA TAU WA LA NAU MU - LA HU MA FIS SA MA
WA TI WA MA FIL ARĐ - MAN ZAL LA ZIY YASH
FA U IN ĐA HU IL LA BI IZ NIH - YAK LA MU MA
BAY NA AY ĐIY HIM WA MA KHOL FA HUM - WA
LA YU HI TGU NA BI SHAY IM MIN IL MI HI IL LA
BI MA SHA - WA SI A KUR SIY YU HUS SA MA WA
TI WAL ARĐ - WA LA YA U ĐU HU HIF ZU HU MA
WA HU WAL A LY YUL AZIM.

Ý nghĩa: {Allah, không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Ngài, Đấng Hằng Sống, Đấng Tự Hữu và nuôi dưỡng vạn vật. Ngài

không buồn ngủ và cũng không bao giờ ngủ. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (những tạo vật) của Ngài. Ai có thể biện hộ được (cho bản thân hoặc cho người khác) nếu như không được lệnh của Ngài? Ngài biết được mọi điều xảy ra trước và sau họ. Và họ không thể nào bao quát được sự hiểu biết của Ngài về bất cứ điều gì ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho họ biết. Ngài vương của Ngài bao trùm cả các tầng trời và trái đất, và việc cai quản trời đất không khó khăn hay nặng nhọc đối với Ngài bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại}.

9- Đọc câu dưới đây mười (10) lần sau Solah Fajr và Solah Maghrib:

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ ، يُحْيِي وَيُمِيتُ ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ))

Tạm phiên âm: LA I LA HA IL LOLLOH - WAH ĐA HU LA SHA RI KA LAH - LA HUL MUL KU WA LA HUL HAM ĐU - DUH DI WA YU MIỆ - WA HU WA A LA KUL LI SHAY IN QODIR.

Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất và không có cộng tác ai với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài, Ngài là Đấng ban cho sự sống và cái chết và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc}. Hadith do Al Tirmizy và Ahmad ghi lại.

❖ Thiên sứ ﷺ có lần dạy bảo như sau: “**Ai tụng niệm như thế mười lần sau solah Fajr và Margrib thì y được ghi lại mười điều tốt và đồng thời được xóa đi mười điều xấu và được nâng lên mười cấp**”. Hadith do Al Tirmizy ghi lại.

Cầu xin Ngài chấp nhận lời nguyện cầu .

والله اعلم و صلى الله و سلم على نبينا محمد و على آله و صحبه اجمعين .

